

**BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC THUẾ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: 1843/TCT-QLN

*V/v triển khai các biện pháp thu hồi nợ và xử lý nợ*

*Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2022*

**Kính gửi:** Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Qua tổng hợp dữ liệu tiền thuế nợ của Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế tập trung (TMS) thì tổng số tiền thuế nợ tính đến thời điểm cuối tháng 4/2022 có xu hướng tăng cao so với thời điểm cuối năm 2021 và so với cùng kỳ năm 2021, trong đó tập trung chủ yếu ở nhóm tiền thuế nợ trên, dưới 90 ngày và một số khoản thu, sắc thuế như: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế bảo vệ môi trường, tiền sử dụng đất.

Căn cứ chỉ tiêu thu nợ thuế, xử lý nợ và tiền thuế nợ năm 2022 Tổng cục Thuế đã giao tại công văn số 329/TCT-QLN ngày 28/01/2022; để đảm bảo phần đầu hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2022 theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, giảm nợ đọng thuế, phần đầu hoàn thành chỉ tiêu thu nợ thuế năm 2022; Tổng cục Thuế đề nghị Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện các biện pháp sau:

1. Thực hiện rà soát, phân tích nguyên nhân nợ của từng người nộp thuế, phân loại nợ theo đúng tính chất nợ, hồ sơ phân loại nợ phải đảm bảo đầy đủ theo đúng hướng dẫn tại Quy trình quản lý nợ ban hành kèm theo Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế. Trên cơ sở đó, triển khai áp dụng các biện pháp thu nợ phù hợp, cụ thể:

- Đối với người nộp thuế chỉ có tiền thuế nợ dưới 90 ngày: thực hiện ngay các biện pháp: gọi điện thoại, nhắn tin, gửi thư điện tử, mời lên làm việc, ban hành thông báo tiền thuế nợ để đôn đốc người nộp thuế nộp tiền vào ngân sách nhà nước, không để nợ thuế dây dưa, kéo dài.

- Đối với người nộp thuế có khoản tiền thuế nợ trên 90 ngày hoặc khoản tiền thuế nợ thuộc trường hợp phải cưỡng chế: áp dụng ngay các biện pháp cưỡng chế và công khai thông tin theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành để thu hồi tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp quyết định cưỡng chế hết hiệu lực mà NNT chưa nộp hoặc nộp chưa đủ số tiền thuế nợ bị cưỡng chế vào ngân sách nhà nước thì phải kịp thời chuyển sang áp dụng các biện pháp cưỡng chế phù hợp, đúng quy định.

- Đối với người nộp thuế có khoản tiền thuế nợ đang khiếu nại, đang xử lý: Cục trưởng Cục Thuế chỉ đạo các bộ phận trong cơ quan thuế tập trung giải quyết kịp thời, đúng quy định đối với các hồ sơ cơ quan thuế đã tiếp nhận và đang trong thời gian thực hiện các thủ tục xử lý.

- Đối với người nộp thuế có khoản tiền thuế đang chờ điều chỉnh: bộ phận quản lý nợ chỉ thực hiện phân loại khi có đầy đủ hồ sơ, đồng thời phối hợp với các bộ phận liên quan và người nộp thuế để đối chiếu nợ, chuẩn hóa dữ liệu nợ.

Cục Thuế các địa phương thực hiện rà soát, kịp thời điều chỉnh các khoản nợ sai, nợ ảo phát sinh trong tháng. Sau thời điểm chốt nợ hàng tháng, nếu phát hiện các khoản nợ sai, nợ ảo thì Cục Thuế tổng hợp, báo cáo kịp thời về Tổng cục Thuế.

- Đối với tiền thuế nợ khó thu: bộ phận quản lý nợ phối hợp với các bộ phận và cơ quan liên quan thu thập, bổ sung, hoàn thiện, lập đầy đủ hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét xử lý khoanh nợ, xóa nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 hoặc Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14; phần đầu trong năm 2022 cơ bản hoàn thành việc xử lý khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14.

2. Hướng dẫn người nộp thuế lập văn bản đề nghị miễn tiền chậm nộp và tập trung giải quyết kịp thời việc xử lý miễn tiền chậm nộp đối với các doanh nghiệp, tổ chức phát sinh lỗi trong kỳ tính thuế năm 2020 theo đúng quy định của Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế, giúp người nộp thuế tập trung nguồn lực vượt qua đại dịch.

3. Triển khai các biện pháp đôn đốc, cưỡng chế thu nợ của người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền thuê đất sau khi đã hết thời gian gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 41/2020/NĐ-CP, Nghị định số 52/2021/NĐ-CP của Chính phủ mà người nộp thuế chưa nộp vào ngân sách nhà nước.

#### 4. Đối với các khoản nợ liên quan đến đất:

- Thực hiện rà soát, xác định chính xác số tiền người nộp thuế còn nợ NSNN; trường hợp có vướng mắc (về điều chỉnh quy hoạch, diện tích, mục đích sử dụng đất, đơn giá...), Cục Thuế chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc cơ quan có thẩm quyền để giải quyết dứt điểm số nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Trường hợp người sử dụng đất chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và cơ quan thuế đã áp dụng biện pháp cưỡng chế nhưng không chấp hành thì cơ quan thuế chủ động ban hành văn bản kiến nghị Ủy ban nhân dân thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai.

- Cục Thuế báo cáo cụ thể các trường hợp nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất từ 500 triệu đồng trở lên (tính đến ngày 30/4/2022), nguyên nhân nợ, các biện pháp đôn đốc, cưỡng chế đang thực hiện, khó khăn vướng mắc và đề xuất xử lý của Cục Thuế đối với từng trường hợp cụ thể theo Phụ lục 01 đính kèm công văn này và gửi về Tổng cục Thuế qua thư điện tử theo địa chỉ: vuqlntct@gdt.gov.vn trước ngày 10/6/2022.

#### 5. Đối với các khoản nợ thuế bảo vệ môi trường

Cục Thuế báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan liên quan ở địa phương phối hợp với cơ quan thuế trong việc thực hiện các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế để thu hồi nợ đọng thuế bảo vệ môi trường vào NSNN.

**6. Về mẫu biểu báo cáo:**

Định kỳ trước 17h ngày 05 của tháng tiếp theo (bắt đầu từ ngày 5/6/2022), Cục Thuế gửi các báo cáo sau về Tổng cục Thuế qua thư điện tử theo địa chỉ [vuqlntct@gdt.gov.vn](mailto:vuqlntct@gdt.gov.vn), cụ thể:

- Báo cáo kết quả khoanh nợ, xóa nợ năm 2022 theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo công văn này.

- Báo cáo số tiền thuế, tiền thuê đất được gia hạn theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP nhưng NNT chưa thực hiện nộp theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo công văn này.

- Báo cáo số tiền thuế, tiền thuê đất được gia hạn theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP nhưng NNT chưa thực hiện nộp theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo công văn này.

- Báo cáo số tiền chậm nộp được miễn theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo công văn này.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương biết và triển khai thực hiện./.

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ NỢ VÀ CCNT**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PTCTg Vũ Xuân Bách (để b/c);
- Vụ DT, PC - TCT;
- Lưu: VT, QLN (2b).

**Nguyễn Văn Điều**

**Phụ lục số 01**

**DANH SÁCH DOANH NGHIỆP, DỰ ÁN NỢ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT LỚN TẠI THỜI ĐIỂM 30/4/2022**

**Tỉnh, Thành phố:...**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	MST	Tên Công ty	Nợ đến 31/12/2021	Nợ đến 30/4/2022	Tính chất nợ	Nguyên nhân nợ	Biện pháp Cơ quan thuế đang áp dụng	Khó khăn, vướng mắc	Đề xuất xử lý của Cục Thuế	Ghi chú
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>									
<b>I</b>	<b>Doanh nghiệp, dự án nợ tiền sử dụng đất</b>									
1		Công ty A								
2		Công ty B								
		...								
<b>II</b>	<b>Doanh nghiệp, dự án nợ tiền thuê đất</b>									

1		Công ty A'								
2		Công ty B'								
		...								

\* Ghi chú: - Cột C: Doanh nghiệp, dự án có số tiền thuế nợ trên 500 triệu đồng tại thời điểm 30/4/2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KHOANH NỢ, XÓA NỢ NĂM 2022 CỤC THUẾ TỈNH/THÀNH PHỐ...

Lũy kế từ 01/01/2022 đến .../.../2022

ĐVT: Người, Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng		Trong đó:				Ghi chú
		Số người nộp thuế	Số tiền	Doanh nghiệp, tổ chức		Cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ gia đình, hộ kinh doanh		
				Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	
a	b	1=3+5	2=4+6	3	4	5	6	7
A	Kết quả xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14							
I	Khoanh nợ tiền thuế	0	0	0	0	0	0	
1	NNT quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							

2	NNT quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
3	NNT quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
4	NNT quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
5	NNT quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
<b>II</b>	<b>Xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp (thẩm quyền UBND)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	NNT quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
2	NNT quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
3	NNT quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
4	NNT quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
5	NNT quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
6	NNT quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
7	NNT quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
<b>III</b>	<b>Hủy khoanh nợ tiền thuế</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	NNT đã được xử lý nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số							

	94/2019/QH14							
2	NNT đã được xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
3	NNT đã được xử lý nợ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
4	NNT đã được xử lý nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
5	NNT đã được xử lý nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
<b>IV</b>	<b>Hủy xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp (thẩm quyền UBND)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	NNT đã được xử lý nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
2	NNT đã được xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
3	NNT đã được xử lý nợ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
4	NNT đã được xử lý nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
5	NNT đã được xử lý nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số							

	94/2019/QH14							
6	NNT đã được xử lý nợ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
7	NNT đã được xử lý nợ theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14							
<b>B</b>	<b>Kết quả xử lý nợ theo Luật Quản lý thuế</b>							
<b>I</b>	<b>Khoanh tiền thuế nợ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	NNT quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Quản lý thuế							
2	NNT quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Quản lý thuế							
3	NNT quy định tại khoản 3 Điều 83 Luật Quản lý thuế							
4	NNT quy định tại khoản 4 Điều 83 Luật Quản lý thuế							
5	NNT quy định tại khoản 5 Điều 83 Luật Quản lý thuế							
<b>II</b>	<b>Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (thẩm quyền UBND)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	NNT quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật Quản lý thuế							
2	NNT quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Quản lý thuế							

3	NNT quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Quản lý thuế							
4	NNT quy định tại khoản 4 Điều 85 Luật Quản lý thuế							
5	Trường hợp khác (như xóa theo Thông tư 179/2013/TT-BTC...) - Ghi chú xóa căn cứ theo văn bản QPPL nào							

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH/THÀNH PHỐ**

**Phụ lục số 03**

**BÁO CÁO**

**Số tiền thuế, tiền thuê đất được gia hạn theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP nhưng chưa thực hiện nộp  
(tính đến ngày ../../2022)**

*DVT: đồng*

Chỉ tiêu	Tổng số NNT	Số tiền thuế, tiền thuê đất được gia hạn theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP chưa thực hiện nộp		
		Tổng số	Tiền thuế	Tiền thuê đất
A	1	2=3+4	3	4
<b>Tổng cộng</b>				

BÁO CÁO

Số tiền thuế, tiền thuê đất được gia hạn theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP nhưng chưa thực hiện nộp  
(tính đến ngày ../../2022)

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Tổng số NNT	Số tiền thuế, tiền thuê đất được gia hạn theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP chưa thực hiện nộp		
		Tổng số	Tiền thuế	Tiền thuê đất
A	I	$2 = 3 + 4$	3	4
Tổng cộng				

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH/THÀNH PHỐ**

**Phụ lục số 05**

**BÁO CÁO**

**SỐ TIỀN CHẬM NỘP ĐƯỢC MIỄN THEO NGHỊ QUYẾT 406/NQ-UBTVQH15 VÀ NGHỊ ĐỊNH 92/2021/NĐ-CP  
(Tính đến ngày ../../....)**

*DVT: đồng*

Chỉ tiêu	Tổng số NNT	Số tiền chậm nộp được miễn theo Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 và Nghị định 92/2021/NĐ-CP		
		Tổng cộng	Số tiền chậm nộp được miễn năm 2020	Số tiền chậm nộp được miễn năm 2021
A	1	2=3+4	3	4
Tổng cộng				